

LUẬN VỀ KINH PHẬT ĐỊA QUYỂN 4

Kinh: “Lại như các loại sắc tướng đang sinh-đang diệt trong hư không, nhưng hư không này không sinh không diệt.

Như vậy, việc làm lợi ích cho chúng sinh do các trí biến hóa trong pháp giới thanh tịnh của Như Lai đang sinh, đang diệt, nhưng pháp giới thanh tịnh thì không sinh-không diệt”.

Luận: Lại có vấn nạn: Nếu pháp giới thanh tịnh trải khắp trong cảnh giới đã được nhận biết, không rời bỏ nhau, luôn luôn tùy thuận chuyển biến, vậy thì pháp giới phải có sinh-diệt. Nếu không sinh diệt thì không phải là trải khắp cảnh giới đã được nhận biết, không rời bỏ nhau, luôn luôn tùy thuận chuyển biến.

Để giải thích vấn nạn đó, Đức Như Lai đưa ra thí dụ về hư không rộng lớn thứ tư. Lại như vô số các sắc tướng đang sinh-đang diệt trong hư không...”. Nghĩa này ý nói: Như hư không rộng lớn trải khắp các sắc, tiếp nhận dung nạp sắc tướng, không rời bỏ nhau, luôn luôn tùy thuận chuyển biến. Mặc dù các sắc lại đang sinh-đang diệt, nhưng tánh của hư không thì không sinh-không diệt. Như vậy, pháp giới thanh tịnh của Như Lai trải rộng khắp tất cả cảnh, tiếp nhận dung nạp Nhất thiết trí đã biến hóa các việc làm lợi ích cho chúng sinh-không rời bỏ nhau, luôn luôn tùy thuận chuyển biến. Trí tuy có đang sinh, đang diệt, nhưng pháp giới thanh tịnh thì không sinh-không diệt.

Căn cứ vào mật ý này của Như Lai, trong Khế kinh đã nói: “Này Mạn-thù-thất-lợi! Vì không sinh-không diệt, cho nên gọi là Như Lai” cho đến nói rộng.

Căn cứ vào Thắng nghĩa đế: “Các pháp như sắc... cũng không sinh-diệt”.

Căn cứ vào Thế tục đế: “Thi thiết sinh-diệt cho nên nói là đang”. Ý này nói: Căn cứ vào tướng thế tục thì hiện có sinh-diệt, chứ không

phải là thể tánh của Thắng nghĩa thật có sinh-diệt. Các trí biến hóa làm lợi ích cho chúng sinh trong pháp giới thanh tịnh, cũng lại như vậy”.

Kinh: “Lại như loại sắc tướng trong hư không đang thêm, đang bớt, nhưng hư không ấy thì không thêm-không bớt.

Như vậy, trong pháp giới thanh tịnh của Như Lai, chỉ rõ Thánh giáo cam lộ của Như Lai có tăng-có giảm, nhưng pháp giới thanh tịnh ấy thì không tăng, không giảm”.

Luận: Lại có vấn nạn: Nếu pháp giới thanh tịnh trải rộng khắp tất cả mà không rời bỏ nhau, Thánh giáo của Như Lai, nhận thấy trong hiện tại có tăng, về sau sẽ giảm và tiêu mất. Pháp giới đồng với Thánh giáo kia, thì phải có tăng-giảm. Nếu vậy thì pháp giới không phải là thanh tịnh? Để giải thích vấn nạn này, cho nên Đức Như Lai nói thí dụ về hư không rộng lớn thứ năm.

Lại như các loại thứ sắc tướng trong hư không đang thêm-đang bớt... Tức là đối với những giáo phái hơn kém của các ngoại đạo trong tất cả thế gian thì Thánh giáo của Như Lai là chân thật thù thắng và thanh tịnh hơn hết, cũng như đề hồ, cũng như cam lộ, giúp chúng sinh chứng ngộ Niết-bàn, vĩnh viễn không còn sinh tử.

Thánh giáo như vậy, nếu vâng mạng thực hành thì chứng đắc quả vị Thánh và quả vị Vô học đã có với đa số người cách nay cả ngàn năm về trước.

Nói chánh pháp của Phật chỉ trải qua ngàn năm, chứ không phải giáo pháp chỉ tồn tại ở thế gian có ngàn năm.

Vả lại, Tạng Thanh văn thì có chia ra nhiều bộ ngay sau khi Phật nhập diệt một trăm năm, trong khi đó hàng ngàn năm về trước, Tạng Bồ-tát vẫn một vị thanh tịnh, không hề có sự tranh cãi sai trái. Mãi đến một ngàn năm về sau mới khởi lên hai loại dị luận có-không. (Không-Hữu).

Vì vậy nói chánh pháp của Như Lai chỉ trải qua ngàn năm, mà pháp giới thanh tịnh không tăng-không giảm, thì có nghĩa là: Thánh giáo của Như Lai, căn cứ vào đạo lý thế tục thì có tăng-giảm, chứ không phải dựa vào nghĩa thù thắng lấy pháp giới làm tánh thì không tăng, không giảm.

Sắc... cũng lấy pháp giới làm tánh, cho nên không tăng-không giảm. Dựa theo lý Thắng nghĩa thì chúng cũng như hư không với tướng không tăng-không giảm.

Vì vậy, cho nên nói là đang, tức là dựa vào thức... của thế tục với những biến hiện dường như có tăng-giảm, chứ không phải căn cứ trong

pháp giới thanh tịnh của chân tánh, vì ở đó các pháp như sắc... đều xa lìa tướng phân biệt-hý luận.

Kinh: “Lại như các sắc tướng vô biên, vô tận khắp cả mười phương trong hư không, là cảnh giới vô biên, vô tận của hư không, nhưng hư không này thì không đi-không đến-không động-không chuyển.

Như vậy, trong pháp giới thanh tịnh của Như Lai, đã kiến lập các loại tác dụng vô biên vô tận để đem lại lợi ích yên vui cho tất cả chúng sinh khắp mười phương, là pháp giới thanh tịnh vô biên, vô tận, nhưng pháp giới thanh tịnh ấy không đi-không đến-không động-không chuyển”.

Luận: Lại có vấn nạn: Nếu các Như Lai lấy pháp giới làm Thế, Như Lai ban cho tất cả hữu tình những lợi ích yên vui, thì phải hoặc đi hoặc đến, vì pháp giới và Như Lai vốn không cách ly nhau. Như đối với các pháp khác phải có đi-đến, phải có sinh... Nếu thế thì pháp giới của Như Lai không phải là thanh tịnh. Nếu Pháp giới không có các sự việc đi-đến... thì không thể nói là ban lợi ích, yên vui cho các hữu tình trong khắp mười phương.

Để giải thích vấn nạn này, Đức Như Lai nói thí dụ về hư không rộng lớn thứ sáu.

Lại như các sắc tướng vô biên, vô tận khắp mười phương trong hư không: Như cảnh giới của hư không là vô biên vô tận, thì mười phương thế giới cũng vô biên vô tận, do đó, các loại sắc tướng trong ấy cũng vô biên vô tận, không có một phương nào có giới hạn, không có các phương nào cùng tận, thời-xứ đều thành tựu, cho nên gọi là vô biên vô tận.

Nhưng hư không này thì không đi-không đến, không động-không chuyển: Nghĩa là hư không rộng lớn bao hàm tất cả, trùm khắp tất cả, đều không có tác dụng.

Như vậy, trong pháp giới thanh tịnh của Như Lai đã kiến lập các loại... cho tất cả chúng sinh... khắp mười phương: Tức Tác dụng đem lại lợi ích yên vui cho chúng sinh là vô biên vô tận. Nghĩa như trước đã nói. Pháp giới thanh tịnh vô biên, vô tận, bởi vì pháp giới thanh tịnh là vô biên vô tận, tuy không có hành động nhưng với diệu lực tăng thượng, cho nên có thể chuyển biến làm việc lợi ích yên vui cho vô lượng hữu tình khắp mười phương trong vô biên thế giới. Nhưng pháp giới thanh tịnh ấy không đi-không đến: Bỏ chốn này đến nơi khác, gọi là đi. Bỏ chỗ kia đến nơi này, gọi là đến. Không động là không chuyển.

Đầu tiên là nêu lên, sau mới giải thích.

Pháp giới không, là không có biên giới, không có hình tướng, chướng ngại. Nếu pháp giới có biên giới, hình tướng và chướng ngại, thì các pháp có thể nói là có phương khác, có đi-đến, có hành động chuyển biến chứ không phải là không biên giới, không hình tướng và chướng ngại.

Pháp giới như hư không... thì có thể nói là tạo nghiệp đi-đến, hành động-chuyển biến.

Theo nghĩa tổng quát này nói: Pháp giới thanh tịnh là tự Thể trong nghĩa thù thắng của Như Lai. Pháp giới bao trùm khắp trong sự nối tiếp nhau của tất cả hữu tình, vì các hữu tình kia có năng lực tự thành tựu đầy đủ các chủng tử thiện nhờ duyên lực tăng thượng của pháp giới thanh tịnh, cho nên khi thức của hữu tình kia phát sinh, thì tác dụng như vậy sẽ được biến hiện mà chuyển, cho nên nói là Như Lai đã mang lại lợi ích an vui cho mọi chúng sinh. Nếu loại trừ tác dụng và duyên lực tăng thượng ấy, thì lại không có Pháp thân nào của Như Lai có thể tạo ra được các sự việc lợi ích an lạc cho chúng sinh. Như Khế Kinh: Như Lai đều không có các việc đi-đến... Nhưng nói Như Lai có đi-đến... là căn cứ vào thân thọ dụng và thân biến hóa, cho nên không có lỗi mâu thuẫn.

Kinh: “Lại như ba ngàn thế giới trong hư không, đang hoại-đang thành, nhưng cõi hư không thì không hoại-không thành. Như vậy, trong pháp giới thanh tịnh của Như Lai, Như Lai đã hiện bày vô lượng tướng thành tựu Đẳng chánh giác cũng hoặc lại thị hiện nhập đại Niết-bàn, nhưng pháp giới thanh tịnh thì không thành tựu ngôi vị Đẳng chánh giác cũng không nhập tịch diệt”.

Luận: Lại có vấn nạn: Nếu pháp giới thanh tịnh xa lìa sự đi-đến... thì vì sao không có phương sở đi-đến mà có thể thành tựu chánh giác, nhập Niết-bàn... Nếu có đi-đến thì trở lại vấp phải lỗi trước?

Để giải thích vấn nạn này, Đức Như Lai lại nói thí dụ về hư không rộng lớn thứ bảy. Lại như ba ngàn thế giới trong hư không... Lỗi vấn nạn này không hợp. Ví như vậy giới đang hoại-đang thành, nhưng cõi hư không thì không thành-không hoại. Trong pháp giới thanh tịnh tuy có chư Phật thì hiện thành chánh giác-nhập Niết-bàn... nhưng pháp giới thanh tịnh, chân thật không có sự kiện thành tựu Đẳng chánh giác và nhập Niết-bàn... Nếu có sự việc này, thì có thể nói là vì vậy mà có đi-đến... như trong hư không hiện bày các thế giới sinh-thành-hoại diệt-là căn cứ theo lý của thế tục chứ không phải là căn cứ vào nghĩa chân thật, vì như hư không kia đều là tánh Không.

Như vậy, pháp giới thanh tịnh của Như Lai hiện bày vô lượng tướng thành tựu Đẳng chánh giác, hoặc nhập Niết-bàn, cũng dựa vào chân lý thế tục, chứ không phải theo nghĩa chân thật.

Thành chánh giác và nhập Niết-bàn đều không có, vì các uẩn là duyên sinh chứ không phải là tánh của ngã. Nếu pháp giới thanh tịnh căn cứ vào nghĩa chân thật, có hai sự kiện này thì không phải là chân thật. Vì pháp chân thật không buông bỏ tự tướng để nhận lấy tướng khác.

Nếu thừa nhận pháp giới buông bỏ cái không phải là chánh giác mà thành Đẳng chánh giác, buông bỏ cái không phải là Niết-bàn mà được nhập Niết-bàn, thì không phải là chân thật.

Nếu có ý cho: Chính vì nghĩa ấy mà gọi là chân thật, thì Đẳng chánh giác lúc nào cũng có thành Đẳng chánh giác, thì nhập Niết-bàn lúc nào cũng có nhập Niết-bàn, do đó phải là chân thật.

Nếu vậy, thì những sự kiện khác cũng như vậy, nghĩa là kiếp hoại thì luôn luôn hoại chứ không có lúc nào không hoại, kiếp thành thì luôn luôn thành chứ không có lúc nào không thành, cũng như cái bình thì không có lúc nào không phải là cái bình.

Những sự kiện như vậy đều phải là chân thật. Nếu vậy thì không cần phải tu tập hành quán để vượt qua kiếp lửa cháy tràn khắp thế giới này sang thế giới khác mà khởi bị chết cháy trong biển lửa đó. Như vậy, người đạt được diệu lực của Thắng giải tăng thượng ở trong quả vị của mình sẽ không có tác dụng chuyển biến tự tại.

Không phải là người chứng được định thù thắng, với diệu lực tự tại, thì hiện Đẳng chánh giác mà chẳng phải là Đẳng chánh giác, hiện Bát Niết-bàn mà không phải là Bát Niết-bàn. Vì vậy, tuy có trước là quả vị Đẳng chánh giác, nay là quả vị Niết-bàn, mà Chân như thanh tịnh không buông bỏ tự tướng của mình.

Pháp giới thanh tịnh, không phải là thành Đẳng chánh giác, không phải là nhập Niết-bàn, vì trong đó cả hai sự kiện này đều là tăng thêm cho tự tướng chứ không phải là có chân thật.

Tác là tác dụng, đều là tướng của biến kế sở chấp, cho nên đều không thực có. Nhưng nói tùy giác tất cả các pháp cho nên gọi là Bồ-đề, thì đây là trí không phân biệt của xuất thế gian mà thành Đẳng chánh giác. Trong này cũng nhờ duyên vào trí Chân như bằng hai loại phân biệt. Không hiện hành cho nên không phải là Đẳng chánh giác, không phải là nhập Niết-bàn, tức là dựa vào mật ý như vậy mà nói: “Thiên tử phải biết, vì tất cả pháp đều không sinh, cho nên chư Phật thị hiện sinh

đều là vô đặc-vô chứng, cho đến nói rộng”.

Vì biến kế sở chấp là không thực có, mà sự phân biệt về sinh... cũng không có. Do chân lý thế tục mà thi thiết có hai, do thân biến hóa thị hiện mà có hai, tùy thuận ý nguyện của hữu tình đã được giáo hóa cho nên Đức Như Lai mới thị hiện hai việc như vậy. Tạm thời đưa ra hai sự việc tương tự để hiển bày tất cả.

Kinh: “Lại như dựa vào hư không mà các loại sắc tướng tan hoại-thiêu hủy-đổi khác, có thể phát sinh nhưng trong cõi hư không thì không phải là biến hiện ra những sự kiện đó, cũng không khó nhọc-hay hư xấu.

Như vậy, dựa vào pháp giới thanh tịnh của Như Lai, các loại học xứ, các nghiệp của thân-miệng-ý đã vi phạm trong cảnh giới của chúng sinh có thể phát sinh, nhưng pháp giới thanh tịnh không bị thay đổi khác đi vì những hành động đó, cũng không cảm thấy khó nhọc hay hư xấu”.

Luận: Lại có vấn nạn: Nếu pháp giới thanh tịnh hiện bày khắp tất cả loài hữu tình thì tại sao hữu tình lại có sự hủy phạm? Không phải là trong pháp giới có các hủy phạm, vì tánh nó là thanh tịnh. Do đó, việc chế lập học xứ cũng hóa ra vô ích, vì các hữu tình không hủy phạm. Nếu có hủy phạm thì phải có sự khó nhọc và hư xấu, sẽ đồng với Nhị thừa chứ không phải là hoàn toàn thanh tịnh.

Để giải thích vấn nạn này, Đức Như Lai đưa ra thí dụ về hư không rộng lớn thứ tám.

Lại như dựa vào hư không mà các loại sắc tướng sắc tướng tan hoại... Vấn nạn này không hợp. Như hư không, là ví như các thứ cỏ cây... dựa vào hư không. Các loại sắc tướng tan rã, đổi khác vô số... hiện bày, nhưng hư không vốn trong sạch không bị biến chuyển đổi khác vì các sự vật kia. Dù ở trong đó mà không biến hoại đổi khác, cũng không nhọc sức hay hư xấu... tức không có các thứ khổ như hoại khổ bức bách.

Như vậy dựa vào pháp giới thanh tịnh của Như Lai, trong cảnh giới của chúng sinh tuy có những hủy phạm hiện hành, nhưng pháp giới thanh tịnh không có đổi thay khác biệt, cũng không nhọc sức hay hư xấu.

Tuy có các loại hủy phạm đã hiện hành, nhưng pháp giới thanh tịnh không có biến đổi khác biệt, cũng không khó nhọc-hư xấu. Tuy trong pháp giới thanh tịnh hiện thấy hữu tình tự phân biệt nổi lên hai sự hủy phạm của ba nghiệp thân-ngữ-ý. Nghĩa là người tại gia có thể có

hủy phạm, làm mọi việc bất thiện như giết hại cha mẹ... Những người xuất gia thì tùy theo những gì họ ưa thích, cũng có những hủy phạm hiện hành. Để ngăn cấm, cho nên Đức Như Lai chế lập ra các học xứ, có thể hiểu được.

Những việc trên đây về mặt thế tục đều đã có vi phạm, nhưng pháp giới thanh tịnh thì không phải bị đổi khác do những sự việc đó, vì tánh của pháp giới là không đổi khác. Cũng không nhọc sức hay hư xấu, tức là không bị bức bách. Nếu bị khổ bức bách không thể chịu đựng nổi, tức thì có khó nhọc và hư xấu. Như hàng Thanh văn... không phải là pháp giới thanh tịnh, cho nên không thể chịu đựng sự bức bách của tất cả nỗi khổ. Không cảm thấy nhọc sức và hư xấu, thì giống như hư không.

Lại nữa, các pháp như sắc... trong hư không dù có tan rã... chỉ là theo thế tục, chứ không phải là nghĩa chân thật.

Như vậy, trong pháp giới thanh tịnh của Như Lai, dù có sự hủy phạm và chế lập học xứ, cũng chỉ là giả an lập chứ không phải là thật có. Vì sao? Vì ba nghiệp thân... với tánh bất thiện... đều do thế mạnh của sự tương ứng phát sinh, được kiến lập trên giả danh, không do tự tánh, không phải là khối đá... do sự phát khởi mà có thể kiến lập được. Thân nghiệp là bất thiện... cũng thế. Do đất... hòa hợp lại mà thành tánh. Ngũ nghiệp cũng như tiếng chuông-trống..., không phải là các vô biểu nghiệp bất thiện... chỉ vì không làm thành tánh, cho nên cũng không phải là thật có.

Ý nghiệp cũng do thế mạnh của sự tương ứng mà phát sinh những hành vi bất thiện, như mọi sự tương ứng khác cũng không phải là thật có. Nhân đã không phải là thật thì quả cũng phải như vậy.

Vì vậy, nghiệp hay quả trong pháp giới, tất cả đều do sự phân biệt mà phát khởi, và do biến hiện của thức theo thế tục... mà sinh, như biến hiện ra tướng. Kiến lập như vậy đều không phải là chân thật.

Kinh: “Lại như dựa vào hư không mà mặt đất, núi lớn, ánh sáng, nước, lửa, quyến thuộc của Đế thích, cho đến mặt trời, mặt trăng, cùng tất cả các loại có thể tồn tại, nhưng cảnh giới hư không vẫn không phải là các hình tướng đó.

Như vậy, các uẩn như uẩn giới-uẩn định-uẩn tuệ-uẩn giải thoát và uẩn giải thoát tri kiến, đều dựa vào pháp giới thanh tịnh của Như Lai mà tồn tại, nhưng pháp giới thanh tịnh không phải là các hình tướng đó”.

Luận: Lại có vấn nạn: Nếu pháp giới thanh tịnh bao trùm khắp tất cả các pháp thì sẽ không có tướng uẩn vô lậu như giới... vì không rời

nhau, phải như pháp giới cũng không phải là tánh uẩn?

Để giải thích vấn nạn đó, Đức Như Lai nêu thí dụ về hư không rộng lớn thứ chín.

Lại như tất cả mặt đất, núi lớn, ánh sáng, nước, lửa... đều dựa vào hư không. Vấn nạn này không đúng. Như hư không, tức là ví như mặt đất... đều dựa vào hư không mà tồn tại, chẳng phải là cùng với mặt đất tương ứng, mà hư không trở thành tánh của uẩn.

Như vậy, dựa vào pháp giới thanh tịnh của Như Lai, dù có các uẩn như giới... hiện hành, nhưng pháp giới thanh tịnh kia không phải là các uẩn như giới...

Phải biết rằng trong này giới thanh tịnh vô lậu, gọi là uẩn giới định tuệ vô lậu gọi là uẩn định-tuệ, thắng giải Vô học gọi là uẩn giải thoát, chánh kiến Vô học gọi là uẩn giải thoát trí kiến, ba loại trước là nhân, hai loại sau là quả.

Có thuyết nói: Tất cả đều là Vô học duyên với tuệ giải thoát gọi là trí kiến giải thoát. Tuệ còn lại gọi là tuệ. Có thuyết nói: Hết thấy đều chung cho học và Vô học. Quả vị Hữu học chứng đắc từng phần và Vô học viên mãn. Chư Phật và Bồ-tát đều có đủ năm loại đó.

Như vậy, dù năm uẩn dựa vào pháp giới, nhưng pháp giới thanh tịnh vẫn không đồng với các hình tướng đó và các tướng đó cũng không làm mất tự tướng của năm uẩn.

Trong này cũng cho nên nói năm thủ uẩn như giới vô lậu... vì đồng với pháp giới.

Lại nữa, nói tóm lược trong pháp giới thanh tịnh dù không có các loại công đức như giới... nhưng vẫn có pháp môn công đức của chân lý. Nhờ tăng thượng duyên của pháp môn đó mà sinh trưởng tất cả công đức hữu vi, chẳng đồng với pháp giới hư không, vì pháp môn công đức của chân lý là vô vi, không thuộc về uẩn. Dựa vào đó sinh trưởng tất cả công đức hữu vi sinh diệt là thuộc về uẩn. Không đoạn tận cho nên cũng gọi là Thường, nhưng không phải là vĩnh viễn không diệt, vì sinh chắc chắn quy về diệt, luôn luôn ghi nhớ như vậy. Do thuộc về uẩn cho nên không phải là pháp vô vi, vì có nghĩa của tác dụng duyên, lực v.v..., mà tác dụng ấy vốn là thù thắng.

Vả lại, nói pháp giới của năm uẩn, thật sự là chỗ nương dựa cho tất cả công đức của ba Thừa.

Kinh: “Lại như các loại nhân duyên lần lượt sinh khởi giữa hư không, mà ba ngàn đại thiên trong vô lượng thế giới đều quay vòng cùng khắp để tồn tại, nhưng cõi hư không vẫn không hề có sự dấy khởi

tạo tác.

Như vậy, trong pháp giới thanh tịnh của Như Lai có đầy đủ vô lượng tướng, chư Phật và chúng hội đều nối tiếp hiện hành, nhưng pháp giới thanh tịnh không hề có sự dấy khởi tạo tác”.

Luận: Lại có vấn nạn: Nếu tất cả chư Phật dùng pháp giới làm Thể, thì sẽ không có sự khác nhau về thọ dụng nơi này chốn nọ, làm sao có được chúng hội không đồng? Nếu sự thọ dụng đã có sai biệt, thì làm thế nào pháp giới của chư Phật được thanh tịnh?

Để giải thích vấn nạn này, Đức Như Lai đã nói thí dụ về hư không rộng lớn thứ mười.

Lại như các loại các nhân duyên lần lượt sinh khởi giữa hư không: Vấn nạn này không đúng. Như hư không tức là các loại nhân duyên sinh khởi giữa hư không. Ba ngàn đại thiên thế giới... đều vây quanh dựa vào phong luân mà tồn tại. Hư không tuy không có phân biệt suy nghĩ về sự sai biệt của ngã sở, nhưng có khả năng dung nạp vô số những thế giới sai biệt xoay vòng, nối tiếp.

Như vậy, trong pháp giới thanh tịnh của Như Lai, tự nghiệp tăng thượng dấy khởi, vô số các tướng viên mãn đạt được Nhất thiết trí. Bồ-tát quán đánh đồng nhất tập hội nối tiếp hiện hành, với nơi chốn sinh khởi của nhân duyên riêng biệt, không phải như nhân duyên trong chúng hội của một vị Phật. Nhân duyên thứ hai, thứ ba cũng lại như vậy. Trong Khế kinh khác cũng dựa vào đó để nói về Tịnh độ của chư Phật với vô số chủng loại có được, chúng hội của chư Phật với các loại có được, nhưng pháp giới thanh tịnh không có những thọ dụng sai biệt của ngã và ngã sở, cùng sự phân biệt tạo tác của năng thủ và sở thủ có thể phát sinh. Đây là nói theo nghĩa tổng quát: Pháp thân của Như Lai dù không có sự khác nhau do hý luận về màu sắc-cảnh tượng, nhưng thân thọ dụng và thân biến hóa, từ diệu lực của bản nguyện và sức mạnh trong việc làm thù thắng của mình, cho nên hai thân đó đã sinh khởi vô số các tướng viên mãn.

Sự sai biệt về Tịnh độ, về chúng hội của chư Phật đã tồn tại, đều là thức thanh tịnh biến hiện những sự khác nhau như vậy, không phải là có chân thật. Như Chuyển luân Thánh vương nhờ nguyện lực từ kiếp trước, đồng thời cũng vì muốn đem lại lợi ích cho các hữu tình, cho nên đã làm mọi việc thù thắng, với những thứ diệu lạc đầy đủ, vô số sự khác nhau như Ngọc nữ báu...

Chư Phật cũng như vậy, vì đem lại lợi ích cho các hữu tình, mà tạo tác hành hóa thù thắng. Đó là tự nghiệp tăng thượng sinh khởi các Tịnh

độ, đầy đủ sự khác nhau về thọ dụng pháp lạc của chúng hội, chỉ khác với trước là không phân biệt.

Lại nữa, như vậy đã nói về các tướng thâm diệu, nghiệp dụng thâm diệu và xứ sở thâm diệu của pháp giới.

Tướng thâm diệu, nghĩa là xa lìa mười loại sai lầm không thanh tịnh, cho nên biết đó chính là mười tướng thanh tịnh.

Sai lầm không thanh tịnh có mười loại:

1. Sai lầm do sai biệt.
2. Sai lầm do tạp nhiễm.
3. Sai lầm do có hành.
4. Sai lầm do hữu vi.
5. Sai lầm do tăng giảm.
6. Sai lầm do hành động.
7. Sai lầm do chấp đoạn-thường.
8. Sai lầm do khó nhọc.
9. Sai lầm do tích tụ.
10. Sai lầm do thâu nhiếp tiếp nhận chúng.

Mười tướng thanh tịnh là:

1. Tướng không sai biệt.
2. Tướng không tạp nhiễm.
3. Tướng không phải là hữu hành.
4. Tướng không phải là hữu vi.
5. Tướng không có tăng giảm.
6. Tướng không hành động.
7. Tướng không chấp đoạn-thường.
8. Tướng không nhọc nhằn, hư xấu
9. Tướng không tích tụ
10. Tướng không có ngã sở.

Với thứ tự nghiệp dụng thâm diệu như vậy, cho nên biết chính là các nghiệp biến hóa.... Xứ sở thâm diệu nên biết chính là các tướng không có hành động viên mãn, tất cả chúng hội và Tịnh độ của Như Lai. Ở tất cả xứ sở đều lấy hư không làm thí dụ, là muốn nhằm làm sáng tỏ tất cả tướng thô của pháp giới đều đồng với hư không, như Khế Kinh: Cho đến tất cả các thí dụ thi thiết, dụ cho công đức của các Như Lai như giới..., tất cả đều là hủy báng các Như Lai, chỉ trừ một dụ là thí dụ về hư Không-Vô lượng công đức của Như Lai như giới... đều đồng với hư không. Cho đến nói rộng ra.

Kinh: “Lại nữa, này Bồ-tát Diệu Sinh! Trí Đại viên cảnh như

mọi cảnh tượng đều hiện bóng vào tấm gương tròn. Như vậy, mọi cảnh tượng hình ảnh của các xứ-cảnh-thức, đều hiện bóng vào gương trí của Như Lai.

Chỉ lấy tấm gương tròn làm thí dụ, nên biết tấm gương tròn là biểu tượng của gương trí bình đẳng và vô cùng bình đẳng của Như Lai, cho nên, gương trí gọi là Trí viên cảnh (gương trí tròn lớn)”.
Luận: Đã kiến lập sự đoạn trừ thì phải kiến lập trí. Dựa vào đây mà nói: Lại nữa, này Bồ-tát Diệu Sinh! Trí Đại viên cảnh.... Cho nên biết ở đây, Đức Như Lai dùng gương để thí dụ là chỉ rõ trí Đại viên cảnh là nhân duyên có khả năng biến hiện, sinh ra bóng hình của mọi pháp một cách bình đẳng. Nghĩa là thức thanh tịnh thứ tám của các Đức Như Lai có khả năng biến hiện, sinh ra bóng hình của trí, cũng như tấm gương tròn vĩ đại, có khả năng phản chiếu tất cả ảnh tượng của thế gian, vì tương ứng với trí, cho nên mượn gọi là trí.

Nói các xứ, là sáu xứ bên trong, tức là mắt.... Nói các cảnh, là sáu cảnh bên ngoài, tức là sắc.... Sáu xứ bên trong và sáu cảnh giới bên ngoài này tức là mười hai xứ. Duyên vào mười hai xứ này sinh ra ba phẩm trí-tâm và tâm pháp. Vì thức làm chủ, cho nên gọi chung là các thức. Chính các thức ấy gọi là các ảnh tượng, là sự biến hiện khác biệt của các loại hành tướng. Đoạn sau của kinh này nói:

Trí Đại viên cảnh dựa vào các duyên trong bất cứ lúc nào, sinh khởi các loại ảnh tượng tướng mạo của trí. Nhiều đoạn văn đều nói như vậy, tức là có thể làm nhân tố sinh ra ảnh tượng của trí, cho nên gọi là gương trí.

Trí Bình đẳng tánh dùng sự việc duyên sinh của trí viên cảnh... làm cảnh giới.

Trí Diệu quán sát lấy tự tướng, cộng tướng của tất cả pháp làm cảnh giới.

Trí Thành sở tác, cho nên biết cũng như vậy.

Ba trí như vậy đều tương ứng với phẩm tâm. Đối với sáu xứ bên trong và sáu cảnh giới bên ngoài, tất cả pháp đã được duyên và đã được giữ lấy trên cảnh đều biến hiện, giống như tất cả tự tướng và cộng tướng với các loại ảnh tượng được hiển hiện rõ ràng.

Các ảnh tượng như vậy đều được sinh khởi từ trí Đại viên cảnh của Như Lai, vì sáng tỏ rõ ràng cho nên gọi là hiện. Ở đây chỉ là những pháp được hiển hiện do trí bình đẳng của Như Lai, vì trí bình đẳng ở quả vị của Như Lai đều là tự tánh. Khi trí bình đẳng nảy sinh, như chính mình đã có sự sai biệt về hành tướng thì đều có thể chứng biết. Chỉ có tuệ

giác ngộ của Như Lai mới có thể phân tích và chỉ rõ về tướng sai biệt đó. Ngoài ra không ai có được khả năng này.

Trí Đại viên cảnh được gọi là chủ động biến hiện. Từ đây làm duyên sinh ra ảnh tượng kia, giống như gương sáng hiện ra các hình ảnh.

Lại nữa, ba sự kiện về xứ-cảnh và thức khác biệt. Xứ là sáu căn, cảnh là sáu trần, thức là sáu thức, tức là mười tám giới hiện bày các cảnh tượng. Mọi hình ảnh này đều tùy theo sự thích ứng với ba phẩm trí mà hiển hiện. Trí Diệu quán sát đều tận cùng với tánh hiện có. Như tánh hiện có đều có năng lực hiện bày. Trí cảnh của Như Lai tương ứng với thức thanh tịnh làm duyên sinh ra ảnh tượng của ba trí này, cho nên gọi là hiện, cũng chỉ có trí bình đẳng của Như Lai mà được hiện bày. Nói rộng ra, cho đến chỉ có tuệ giác của Như Lai mới phân tích và chỉ rõ về tướng đó. Còn lại như trước đã nói.

Lại nữa, mười tám giới là ảnh tượng của trí Đại viên cảnh của Như Lai tương ứng với phẩm tâm đã thể hiện rõ ràng, khi gương trí của các Như Lai phát sinh, đều có thể soi tỏ tất cả các cảnh. Các xứ-cảnh-thức giống như các ảnh tượng, hiển hiện rõ ràng ở trong trí này, từ gương trí này thâm nhiếp các tướng kia mà sinh khởi.

Gương trí dù không có sự phân biệt một-khác và năng thủ-sở thủ nhưng có ảnh hiện của pháp đã được nhận biết như tấm gương tròn to lớn. Lúc trì này sinh hành tướng như vậy là tự tánh. Đức Như Lai tuy không có sự phân biệt biết về một-khác và năng thủ-sở thủ nhưng có năng lực hiện chứng những gì thể hiện của tự tâm, là ảnh tượng của các pháp với tự tướng và cộng tướng. Do chứng biết cho nên có năng lực thuyết giảng không điên đảo về tự tướng và cộng tướng của tất cả các pháp. Do các ảnh tượng này cho nên Như Lai thành tựu pháp không quên mất. Hết thấy ảnh tượng của cảnh giới đã được nhận biết, đều hiển hiện rõ ràng trên gương trí trong tất cả thời gian, mà không quên mất. Nếu không như vậy, làm sao Như Lai được xưng là bậc Nhất thiết trí? Không có gương trí bình đẳng thì không thể nào chứng biết được tự tướng và cộng tướng của tất cả các pháp hiển hiện trong mọi thời gian. Nếu cho rằng do sự nối tiếp nhau mới có khả năng làm được mọi việc cho nên gọi là Nhất thiết trí, như có bài tụng:

*Nối tiếp có thể làm,
Như lửa đốt hết cỏ,
Như vậy Nhất thiết trí,
Không ngừng biết tất cả.*

Đây chỉ là lời nói suông, bởi vì lúc tâm và trí của người khác đều giữ lấy một sự việc, thì không nhận lấy sự việc khác, không biết được những điều khác thì không phải là Nhất thiết trí. Ngay như hiện tượng nối tiếp nhau kia, cũng không có năng lực giữ lấy sự nhận biết của hiện tại.

Theo tông chỉ của ông thì một niệm chỉ nhận biết một phần tướng chung của các pháp. Nếu vậy thì Đức Như Lai nên tạm thời gọi là Nhất thiết trí, không thể tạm thời nói Ngài không phải là Nhất thiết trí, vì Nhất thiết trí tức là người thành tựu Nhất thiết trí chân thật.

Lại nữa, dùng gương trí của Như Lai làm duyên, các ảnh tượng của các xứ-cảnh-thức thiện ở thế gian và xuất thế gian trong sự nối tiếp còn lại đều hiện bày. Bởi vì các pháp thiện của thế gian và xuất thế gian nếu không có gương trí thì chúng không phát sinh được. Khi các pháp đó nảy sinh đều do năng lực này, thì cũng có thể chứng biết. Nghĩa này ý nói gương trí của Như lai là diệu lực của tăng thượng duyên tất cả các pháp thiện thế gian và xuất thế gian, cùng các xứ-cảnh-thức đều được sinh khởi như những ảnh hiện bày trong gương sáng ngời. Mặc dù các hữu tình đều có năng lực của nhân tố, nhưng do gương trí làm tăng thượng duyên cho nên chúng mới được sinh khởi. Cũng như dù có hạt giống, nhưng nếu không có đất... thì mầm... không thể nảy sinh, cũng như tuy có vật thể, nhưng nếu không có gương... thì các ảnh tượng của vật thể sẽ không hiện bày.

Nếu vậy thì Đức Thế Tôn thuận theo với vọng kiến, trời Tự Tại... là nhân của thế gian. Bởi vì thiết lập làm nhân bình đẳng sinh ra tất cả các quả của thế gian, cho nên không có lỗi lầm này. Vì lúc quả kia sinh ra thì chỉ có thể làm tăng thượng duyên chứ không phải là tác giả, mà là vô thường.

Đức Như Lai đã tu tập hai loại tư lương phước, trí trong vô lượng kiếp mới được sinh khởi. Tất cả chúng sinh thiện và duyên thiện đều do phước, trí ấy mà được phát sinh. Ngoại đạo vọng kiến về trời Tự Tại... cho rằng trời kia là yếu tố tạo ra các thế gian, vì tánh của trời Tự Tại là thường trú cho nên khác với việc của Như Lai.

Nếu không có ảnh thật hiện ra trong chiếc gương tròn thì làm sao nêu ví dụ được? Phải có vật thể và có gương sáng hòa hợp làm duyên như vậy cùng xuất hiện cho nên có thể làm ví dụ. Nghĩa là các hữu tình chấp trước điên đảo về ảnh tượng, bởi vì do sức mạnh của sự huân tập thành thục.

Chiếc gương và mặt là duyên, do tự thức chuyển khác, trông giống

như khuôn mặt mình hiện bóng. Do đó thế gian khởi lên tăng thượng mạn, cho là mình đã nhìn thấy ảnh của mặt mình trong gương, vì không có ảnh nào khác hiện ra trong gương.

Kinh chỉ nói các cảnh tượng hiện bóng, chứ không nói là sinh khởi. Như vì vậy biết, tất cả cảnh tượng đều là tự thức biến đổi sai khác và hiện ra chứ không phải là thật có.

Do sự thù thắng của thức, cho nên nói là “duy thức”, không phải là không có tâm pháp, cũng không nói là chỉ có một thức, vì các hữu tình đều có tám loại và tâm pháp.

Tất cả sắc... mặc dù mỗi thứ đều có chủng loại riêng, nhưng đều là tự thức biến hiện sai khác và huân tập trên thức, lấy công năng sai biệt làm tánh, cho nên khi thức biến hiện thì quay trở lại không rời thức.

Đứng về mặt thế tục mà nói, thì có tâm pháp riêng biệt, không phải là nghĩa chân thật. Theo nghĩa thù thắng thì các pháp đều không có tánh quyết định riêng biệt, thậm chí Chân như tuy không phải do thức biến hiện, nhưng cũng không lìa khỏi thức, vì tánh chân thật của thức, vì cộng tướng của hai không-Vô ngã trên thức đã hiện bày.

Ở đây nói chỉ có thức, bởi vì ngăn ngừa người ngu cố chấp cho rằng ngoài tâm-tâm pháp, nhất định có tánh biến kế sở chấp như sắc.... Các pháp như sắc... không loại trừ và không lìa các tâm-tâm pháp.

Tánh Y tha khởi và tánh viên thành thật không phải là không có, bởi vì bình đẳng cho nên hai loại này bình đẳng, vì vậy nói là bình đẳng, bình đẳng.

Chiếc gương tròn của thế gian và gương trí của Như Lai đều không có gì phân biệt, đều có năng lực hiện rõ hình ảnh không có gì khác nhau. Vì nhân duyên này cho nên gọi là Trí viên cảnh.

Kinh: “Như tấm gương tròn to lớn phát sinh phước đức an vui được người treo vào nơi tốt đẹp trên cao không gì lay chuyển được. Vô lượng chúng sinh qua lại trong các cõi, hướng về chiếc gương này quán sát những gì được mất của chính mình, bởi vì mong muốn giữ lại cái được mà rời bỏ những cái mất..

Như vậy, Đức Như Lai treo cao trí viên cảnh ở giữa pháp giới thanh tịnh, không gián đoạn, không gì lay chuyển được mong muốn làm cho vô lượng vô số chúng sinh quán sát đối với nhiễm-tịnh, bởi vì muốn giữ lấy tịnh mà rời bỏ những điều cấu nhiễm”.

Luận: Nơi tốt đẹp trên cao, nghĩa là cột cao, hoặc là nơi tốt đẹp khác.

Pháp giới thanh tịnh, là Chân như không cấu uế.

Xứ nghĩa là nơi yên ổn, hoặc nương dựa, hoặc duyên không gián đoạn.

Không lay chuyển, là nhờ gương trí này dựa theo duyên của pháp giới đến tận cùng giới hạn của sinh tử, luôn luôn gắn bó nối tiếp nhau không gián đoạn, không gì lay chuyển được.

Nghĩa này ý nói: Trí Đại viên cảnh vĩnh viễn xa lìa tất cả sự lay chuyển phân biệt. Một khi đã chứng được trí này rồi, về sau đến tận cùng thời gian vị lai, vẫn nối tiếp nhau không đoạn tuyệt. Ba trí còn lại, dù không vọng chấp nhưng vẫn còn tác ý phân biệt chấp có-không.

Sau khi chứng được ba trí này, hoặc hành động hay không hành động-không phải là không lay chuyển.

Có thuyết nói: “Trí Bình đẳng tánh, định diệt cũng không hiện hành”.

Luận nói là trong định diệt tận không có Thức thứ bảy.

Lại nói: “Cũng diệt một phần hiện hành thường hằng của tâm-tâm pháp”.

Nếu luận nói như vậy thì trong ba phần vị đều không có Thức thứ bảy. Vậy thì từ địa thứ nhất trở lên, khi hành hiện quán vô lậu, và địa Như Lai, sẽ không có trí này. Đó là sai lầm lớn, vì trái với kinh luận. Nhưng sở dĩ nói không có Thức thứ bảy, là ý muốn nói không có Thức thứ bảy nhiễm ô, chứ không phải tất cả đều không có. Khi chưa chứng được trí pháp Không-Vô ngã, thì phân biệt pháp chấp thường xuyên hiện hành dựa vào nhau. Như chưa chứng đắc trí Bồ-đặc-già-la Không-Vô ngã, thì trí kia vẫn luôn hiện hành ngã chấp vì dựa vào Thức này.

Trong phần quyết định lựa chọn nói: “Thức A-lại-da nhất định cùng chuyển với một thức Mạt na”. Nếu khởi hiện Ý thức thì nhất định cùng chuyển biến một lúc với hai thức. Nếu trong năm thức tùy theo khởi hiện một thức thì nhất định cùng chuyển biến một lúc với ba thức. Cho đến trong một lúc, nếu năm thức khởi hiện thì nhất định cùng chuyển biến một lúc bảy thức. Nhận biết về định diệt của Thánh đạo, bậc Vô học cũng có. Pháp không nhiễm ô phân biệt chấp trí bình đẳng, cùng với các hành tướng vi tế trong Thức thứ bảy không trái với định diệt. Vì định diệt này là đạo vô lậu đã dẫn phát, Thể vô lậu trái ngược với ý thức ngã chấp nhiễm ô, đây là một phần diệt chứ không phải là diệt tất cả.

Trí bình đẳng ở trong quả vị Phật, tuy luôn luôn hiện hành nhưng trong mười địa từ khi chứng đắc về sau, hoặc khi tâm hữu lậu dấy lên phiền não, trí này không khởi hiện bởi vì có gián đoạn chứ không phải là không lay chuyển. Hai trí còn lại ở trong quả vị Phật, cũng không

luôn luôn hiện hành, chứ không phải là không lay chuyển.

Vì sao trí Đại viên cảnh được an trí vào giữa pháp giới thanh tịnh? Vì khiến cho vô lượng vô số chúng sinh quán sát về nhiệm-tịnh.

Vì sao quán sát về điều ấy? Vì muốn giữ lấy tịnh và bỏ hết mọi nhiễm.

Nhiễm, nghĩa là phiền não và tướng sinh khởi của nghiệp. Xả nghĩa là điều phục và đoạn tuyệt.

Dựa vào đạo thế gian và đạo xuất thế gian, điều phục và đoạn trừ những phiền não một cách trọn vẹn trong thời gian ngắn. Tịnh nghĩa là các pháp thiện có thể làm cho tâm chúng sinh được thanh tịnh.

Thủ nghĩa là giữ lấy, an lập-nuôi lớn và làm thành thực chủng tử, tùy theo những nguyện cầu mà chúng đắc giải thoát. Ý trong này nói: Tất cả Như lai xưa kia ở địa vị Bồ-tát, vì mong muốn thành tựu tất cả mọi việc lợi ích an lạc với mọi hình tướng cho tất cả hữu tình, ý vui vẻ mang lại lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình, thường tùy ý dựa vào pháp giới thanh tịnh, tùy theo sự tu tập phước trí làm tư lương, quay lại mong cầu nối tiếp nhau.

Vì phương tiện khéo léo của trí Đại viên cảnh mà siêng năng tu tập, chứng đắc trí này, dựa theo và duyên của pháp giới nối tiếp nhau không lay động. Dù không tác ý phân biệt hý luận nhưng vẫn chuyển biến tương tục làm tăng thượng duyên khiến cho các hữu tình tùy theo sự mong cầu của mình, mà an tập-nuôi lớn và thành thực vô lượng chủng tử, thiện căn, đạt được niềm vui thế gian và sự giải thoát xuất thế gian.

Đây là do sự khởi hiện trong trí Đại viên cảnh của Như Lai, hóa hiện phát sinh tác dụng tuyên thuyết về pháp yếu cho các hữu tình, khiến cho họ nhận biết cấu nhiễm và thanh tịnh, chọn lấy thanh tịnh mà rời bỏ cấu nhiễm, chính là căn bản của sự lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình.

Kinh: “Lại nữa, chiếc gương tròn rất khéo mài sáng, trong sạch vô cùng, không chút bợn nhơ ánh sáng chiếu rọi khắp nơi. Như vậy, trí Đại viên cảnh của Như lai, ở trong trí Phật vĩnh viễn rời xa cấu uế của tất cả các tướng phiền não và chướng sở tri, lấy sự rất khéo mài sáng làm nơi nương tựa, do định thâm nhiếp giữ gìn, trong sạch vô cùng và không chút bợn nhơ làm sự nghiệp lợi ích an lạc cho các chúng sinh với ánh sáng chiếu rọi khắp nơi.”

Luận: Gương soi nghĩa là tự tánh rất thanh tịnh. Sạch nghĩa là chỗ sai biệt vì lia mọi khách trần. Nói không chút bợn nhơ, là chung cho hai

loại trước, tức là tròn đầy và xa lìa bợn nhơ, vô cùng thanh tịnh. Ánh sáng là do gương soi, trong sáng là do sạch sẽ. Nói chiếu rọi khắp nơi, bởi vì không có bợn nhơ. Nói chiếu rọi khắp nơi, bởi vì không có bợn nhơ. Ở trong trí Phật tức là chướng phiền não và chướng sở tri, đều gọi là cấu uế. Đã hoàn toàn đoạn tuyệt, cho nên gọi là vĩnh viễn rời xa.

Do có nghĩa vĩnh viễn rời xa các cấu nhiễm chướng ngại, cho nên nói gương trí rất khéo mài sáng.

Lại nữa, phiền não nghĩa là tham lam-giận dữ.... Tất cả phiền não ràng buộc ở vị trí của tùy miên hoặc hiện hành hay không hiện hành đều có sức mạnh gây chướng ngại cho Thánh đạo, cản trở việc tu chứng Niết-bàn, gây rối loạn thân tâm cho nên gọi là chướng phiền não.

Chướng sở tri, là đối với cảnh đã được nhận biết, không nhiễm mà không nhận biết thì làm chướng ngại cho Nhất thiết trí, không chướng ngại Niết-bàn. Dù có chướng này, nhưng vẫn có Thanh văn... chứng đắc Niết-bàn. Chính hai chướng này cũng gọi là sự trở ngại của cấu uế.

Trí thanh tịnh làm cho chúng không nảy sinh. Trí nhiễm, tịnh có được do đối trị với chướng ngại, cấu uế của khách trần, khi trần hoàn toàn không nảy sinh thì gọi là vĩnh viễn rời xa. Do vĩnh viễn rời xa chướng cho nên trí Đại viên cảnh luôn luôn rất sạch, vì vậy nói là rất khéo mài sáng. Làm nơi nương tựa, do định thâm nhiếp giữ gìn, nương tựa vào nơi này cho nên gọi là nương tựa. Trí Đại viên cảnh dựa vào nơi này mà phát sinh. Nương tựa ngay nơi định, cho nên gọi là y chỉ. Định hoặc là trí nương dựa cho nên định gọi là y chỉ. Định phát sinh từ đạo giải thoát không gián đoạn này cho nên rất thanh tịnh. Nương tựa trong định này tức là định Kim cang dụ thù thắng. Do sức mạnh của định ấy cho nên các chướng ngại vĩnh viễn đoạn trừ, vì thế trí này lấy định làm chỗ dựa. Sức của định đã thâm nhiếp giữ gìn cho nên gọi là nhiếp trì. Vì định kia không gián đoạn, trí này được sinh. Do sức của định kia vô cùng thanh tịnh, rời xa tất cả phân biệt, không còn có phân biệt, cho nên gương trí phát sinh từ đó.

Trí này đã làm nơi nương dựa, do định mà thâm nhiếp giữ gìn. Trong sạch vô cùng không chút bợn nhơ, tự thể vốn thanh tịnh, cho nên gọi là gương soi. Xa lìa mọi chướng phiền não cho nên gọi là sạch. Xa lìa mọi chướng sở tri cho nên gọi là không cấu uế. Làm sự nghiệp đem lại lợi ích an vui cho các chúng sinh, với ánh sáng chiếu rọi khắp mọi nơi, là trí này được định thâm nhiếp giữ gìn, cũng có khả năng khởi tạo mà sự nghiệp đem lại lợi ích an vui cho tất cả hữu tình. Do thực hiện sự nghiệp này cho nên ánh sáng chiếu rọi khắp nơi. Tự tánh của gương soi

vốn trong sạch, cho nên gọi là sáng, do xa lia tất cả chướng phiền não và chướng sở tri.

Như thứ tự của gương soi, gọi là sáng chiếu khắp nơi. Trong này ý nói: Như tấm gương tròn vĩ đại rất khéo mài sáng trong sạch vô cùng, không chút bợn nhơ. Vì muốn làm cho mọi chúng sinh đều được nhìn thấy chỗ được-mất trên gương mặt mình, và vì sự nghiệp lợi ích cho người, do đó nói là ánh sáng chiếu rọi khắp nơi.

Trí Đại viên cảnh với tự tánh thanh tịnh, xa lia hai chướng, trong sạch vô cùng không chút bợn nhơ. Dù không thể thấy được trí này, nhưng nó vẫn khởi hiện thân thọ dụng và thân biến hóa, có thể sinh ra các trí và hoàn thành mọi sự nghiệp làm lợi ích cho chúng sinh, vì vậy gọi là ánh sáng chiếu rọi khắp nơi.

Kinh: “Lại như chiếc gương tròn dựa vào duyên của tính chất vốn có, sinh khởi các loại tướng mạo và ảnh tượng. Như vậy, trí Đại viên cảnh của Như lai. Đối với tất cả thời gian dựa vào các duyên, sinh khởi các loại tướng mạo và ảnh tượng của trí.”

Luận: Nếu trí viên cảnh là nhân tố sinh ra ảnh tượng của tất cả trí... nơi các hữu tình, thì tại sao tướng của ảnh tượng có sự khác nhau? Tại sao Thể của trí này lại không khác biệt? Lại nữa trí này đã thường xuyên có Thể làm nhân tố cho mọi ảnh tượng trong tất cả thời gian, tại sao trí này không luôn luôn phát sinh tức khắc ảnh tượng của tất cả chúng sinh và tự trí của họ?

Để giải thích vấn nạn đó, Đức Như Lai nói: “Lại như chiếc gương tròn dựa vào duyên của tính chất vốn có, sinh khởi các loại tướng mạo và ảnh tượng.” Không phải ảnh tượng sai khác làm cho Thể của gương có khác biệt, cũng không phải luôn luôn trong mọi lúc đều lập tức phát sinh ảnh tượng, vì còn phải đợi các duyên”.

Như vậy, gương trí bất cứ lúc nào cũng phải chờ đợi các duyên mới phát sinh các loại sai biệt về ảnh tượng của trí... chứ không phải là khác với ảnh tượng cho nên trí mới thành. Những màu sắc khác biệt như xanh, vàng... cũng không phải luôn luôn lập tức phát sinh ảnh tượng của Thánh trí nơi mình và tất cả chúng sinh mà cần phải chờ đợi các duyên đầy đủ mới có thể phát sinh.

Ý đoạn này nói: Trí Đại viên cảnh tương ứng với thức thanh tịnh có hai loại tác dụng:

1. Tác dụng của nhân duyên; là trong thức thanh tịnh có đủ tất cả chủng tử của các pháp thanh tịnh có khả năng hiện bày, có khả năng sinh ra thân tướng-cõi nước-cảnh-trí. Nếu gặp duyên bên ngoài, thì lập

tức biến hiện các loại ảnh tượng của cảnh giới thân tướng-cõi nước, và có thể sinh khởi các trí bình đẳng... tương ứng với mọi hành tướng sai biệt của phẩm tâm.

2. Tác dụng của duyên tăng thượng, là các thiện căn trong Thức thanh tịnh của Phật, do nguyện lực mà được sinh khởi. Nếu các chúng sinh tự mình có đủ nhân duyên, thì lúc đó Thức thanh tịnh lập tức hỗ trợ giúp đỡ, khiến cho họ không bị chướng ngại mà sinh trưởng và thành tựu đầy đủ. Vì vậy thể của gương trí dù là một, mà vẫn có thể hiện khởi, có thể sinh ra mọi ảnh tượng của các pháp, nhưng còn phải chờ các duyên bên ngoài, chứ không phải là lập tức hiển hiện.

Kinh: “Như trong chiếc gương tròn, không phải là một hay rất nhiều các ảnh tượng hiện bày, mà trong gương tròn không có các ảnh tượng, nhưng gương tròn này vẫn không lay động và không tạo tác.

Như vậy, trong trí viên cảnh của Như Lai, không phải là một hay rất nhiều ảnh tượng của các trí khởi hiện, mà trong trí viên cảnh không có các ảnh tượng của trí, nhưng gương trí này vẫn không lay động và không tạo tác”.

Luận: Nếu các ảnh tượng của trí trong gương trí trước đây đã có tự thể, thì tại sao gương trí phải làm duyên mới được phát sinh? Nếu các ảnh tượng của trí trước đây không có tự Thể thì làm sao có thể phát sinh các ảnh tượng của trí mà không có động tác. Không thấy thợ gốm nào không có động tác, mà có thể nặn ra chiếc bình trước khi không có bình...?

Giải thích vấn nạn này nên nói: Như trong chiếc gương tròn, không phải là một hay rất nhiều các ảnh tượng... Như tấm gương tròn lớn có thể khởi lên các ảnh. Đồng loại với số nhiều, cho nên gọi là không phải một, khác loại thì vô số cho nên gọi là rất nhiều. Quán cần phải đồng loại, vì chọn lấy một loại cho nên nói không phải là một. Quán cần phải khác loại, hiển bày vô số cho nên nói là rất nhiều.

Như vậy, trong mặt gương tuy trước không có ảnh tượng mà khởi lên nhiều ảnh tượng nhưng gương vẫn không có động tác gì suy nghĩ hay phân biệt. Gương trí cũng vậy, tuy trước không có ảnh tượng của trí..., nhưng vẫn có thể sinh khởi mọi thứ ảnh tượng nơi các pháp của trí... Quán cần phải đồng loại cho nên nói không phải là một. Quán cần phải khác loại cho nên nói là rất nhiều.

Mặc dù phát sinh các ảnh tượng của trí..., như vậy, nhưng gương trí không có động tác gì suy nghĩ hay phân biệt.

Trong này ý nói: Như tấm gương tròn vĩ đại tuy không phân biệt,

nhưng có thể sinh khởi các loại ảnh tượng. Gương Trí cũng thế, tuy không ngã chấp và ngã chấp sở, tác ý phân biệt năng thủ và sở thủ, nhưng vẫn có thể sinh khởi các loại ảnh tượng nơi các pháp của trí...

Kinh: “Lại như chiếc gương tròn và các ảnh tượng không phải là hợp, không phải là ly, không tụ tập, mà cũng hiện khởi duyên kia.

Như vậy, trí Đại viên cảnh của Như Lai cùng với ảnh tượng của các trí không phải là hợp, không phải là ly, không tụ tập cũng không tản mất”.

Luận: Nếu trí viên cảnh cùng hòa hợp với ảnh tượng của các trí... thì tại sao không khác biệt với ảnh tượng đó, điều này trở thành sai biệt. Nếu không hòa hợp thì sao lại làm nhân? Không thấy hạt giống... và quả của các mầm..., không cùng hòa hợp mà có thể làm nhân? Không phải ánh sáng mặt trời và đá, tro..., không hòa hợp mà có thể soi sáng lẫn nhau?

Giải thích vấn nạn này cho nên nói: Lại như chiếc gương tròn và các ảnh tượng không phải là hợp, ly... Tức là như chiếc gương tròn của thế gian, tuy có thể làm nhân khởi hiện các ảnh tượng, nhưng gương không hòa hợp với ảnh tượng đó. Ảnh tượng đó trước khi chưa sinh do chưa có tự Thể, cho nên không có tụ tập. Không phải gương này và ảnh tượng kia hoặc đồng thời hay khác thời, mà có thể gọi là hòa hợp. Gương tròn và ảnh kia cũng không phải tách rời nhau mà hiện khởi duyên kia, chính vì nghĩa này cho nên không phải là không hòa hợp, cần phải nhờ vào gương này thì ảnh tượng kia mới có được. Mặc dù gương làm nhân tố hiện khởi, mà sinh ra ảnh tượng, nhưng không vì ảnh tượng khác biệt, mà gương trở thành khác biệt.

Trí Đại viên cảnh cũng lại như vậy. Tuy luôn luôn làm nhân sinh ra ảnh tượng của trí..., nhưng cùng với trí không phải là hợp, không phải là ly, không tụ tập cũng không tan mất.

Nói không phải là hợp, tức là khi ảnh chưa sinh vì nó chưa có tự thể, không có tụ tập.

Nói không phải là ly, tức là cần phải có gương trí thì ảnh của trí..., mới sinh, nếu không có thì không sinh cũng không tản mất. Lìa-hoại và không có, gọi là tiêu tán. Ngược lại cùng với điều ấy, gọi là không tán mất. Gương trí thâm nhiếp và phát sinh ảnh kia, hoặc không quên mất tướng cảnh đã duyên, gọi là không tản mất. Từ trong gương trí hiển hiện tất cả tướng đã nhận thức.

Trí ba đời... và các chúng sinh, nếu không nhận biết khắp nơi thì gương trí sẽ không phát sinh, cần phải nhận biết tất cả, thì trí này mới

phát sinh. Vì vậy, trí này không quên tất cả tướng cảnh đã duyên, cho nên gọi là không tan mất. Vì không tan mất, cho nên không phải là ly. Tuy gương trí này có khả năng làm nhân khởi hiện ra ảnh của trí..., nhưng không phải do ảnh kia có khác biệt, mà gương trí này trở thành khác biệt. Như chiếc gương tròn vĩ đại không hề đổi thay khác biệt.

Trong này ý nói: Như chiếc gương tròn của thế gian, tuy có thể làm nhân dấy khởi các ảnh tượng, nhưng không phải do sự sai biệt của hợp và ly đã tiếp xúc. Gương trí cũng như vậy, tuy luôn luôn làm nhân dấy khởi ảnh tượng của trí, nhưng không phải là sự sai biệt do hợp và ly đã tiếp xúc. Tuy có thể làm nhân cho sự nảy mầm ... nhưng các hạt giống cũng đều không thể nói là hợp hay ly. Vì chỉ một phần ánh sáng yếu ớt, cũng không phải là sắc ..., vì tướng chung hòa hợp là do cả hai đều có, làm cho trong thức kia giống như hòa hợp cùng sinh với sắc ... Vì thế gian hiện thấy tất cả nhân-quả, tuy không phải là hòa hợp, ly tán, nhưng vẫn có thể làm nhân. Vì vậy, không có hai tướng nhân quả quyết định hòa hợp.

